

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P  
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26-8-2022

*“V/v L hôn, nuôi con khi L hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH H**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Mạnh Q;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn H;

2. Bà Nguyễn Thị Q.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn H - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện P.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 26/8/2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 63/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/6/2022 về tranh chấp “*L hôn, nuôi con khi L hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện P giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị Đỗ Thị B, sinh năm 1984; “vắng mặt”

*Đăng ký HKTT:* Thôn V, xã Đ, huyện P, tỉnh H;

*Địa chỉ hiện nay:* Thôn Q, xã M, huyện P, tỉnh H;

***2. Bị đơn:*** Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1984; “vắng mặt”

*Địa chỉ:* Thôn V, xã Đ, huyện P, tỉnh H;

*Hiện đang chấp hành án tại:* Đội 24, phân trại số 01, Trại giam H, tỉnh H.

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Cháu Hoàng Khánh L, sinh ngày 12/8/2007; “vắng mặt”

- Cháu Hoàng Khánh L, sinh ngày 07/5/2012; “vắng mặt”

*Đăng ký HKTT:* Thôn V, xã Đ, huyện P, tỉnh H;

*Địa chỉ hiện nay:* Thôn Q, xã M, huyện P, tỉnh H.

Đại diện hợp pháp của cháu L, cháu L: Chị Đỗ Thị B là mẹ đẻ của các cháu.

**4. Người làm chứng:**

+ Ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1953; “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn Q, xã M, huyện P, tỉnh H;

+ Ông Nguyễn Đức X- Trưởng thôn V; “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị Đỗ Thị B; bản tự khai, biên bản lấy lời khai của anh Hoàng Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Chị Đỗ Thị B trình bày: Chị và anh Hoàng Văn T đến với nhau là tự nguyện, tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện P, tỉnh H vào ngày 13/10/2006. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng chị bình thường, thi thoảng có xảy ra cãi nhau xong rồi lại thôi. Nhưng từ năm 2018 vợ chồng chị nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh T chơi bời dẫn đến nghiện ma túy, vợ chồng có tài sản gì là anh T mang đi bán để sử dụng ma túy hết, đến khi không còn tài sản gì để bán thì anh T đi vay nợ bên ngoài để sử dụng ma túy và không trả được nợ, xã hội đen đến tận nhà để gặp chị đòi nợ, chị phải đi làm để trả nợ thay cho anh T; anh T không hề có trách nhiệm gì đến gia đình và ba mẹ con chị. Việc anh T nghiện ma túy, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không nghe mà còn thường xuyên đánh đập, gây thương tích cho chị. Do không thể chịu đựng được và cũng để tránh ảnh hưởng đến các con chị nên khoảng tháng 4/2020 chị đã đưa các con về ở nhờ nhà bố mẹ đẻ ở thôn Q, xã M, huyện P từ đó cho đến nay. Ngày 12/6/2021 anh T bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và đến ngày 23/8/2021 bị Tòa án nhân dân tỉnh H tuyên xử 30 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện nay anh T đang chấp hành hình phạt tại Trại giam H, tỉnh H. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có tiếp tục chung sống cùng anh T sẽ nguy hiểm đến về tính mạng, sức khỏe của và ảnh hưởng xấu đến các con chị nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện P giải quyết cho chị được L hôn với anh T để mẹ con chị ổn định cuộc sống.

+ Anh Hoàng Văn T trình bày: Anh xây dựng gia đình với chị Đỗ Thị B hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đến UBND xã Đ, huyện P làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 13/10/2006 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Vợ chồng anh chung sống thực sự hạnh phúc đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau nên xảy ra va chạm đánh cãi chửi nhau. Ngoài ra, do anh chơi bời dẫn đến mắc tệ nạn xã hội, nghiện ma túy, đến năm 2021 thì anh bị Công an bắt giữ về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân tỉnh H xử phạt 30 tháng tù, hiện anh đang chấp hành án tại đội 24, phân trại 1, trại giam H, H, anh và chị B

sống L thân từ khi anh đi chấp hành án cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, nay chị B xin L hôn thì quan điểm của anh nhất trí L hôn để chị B sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị B và anh T xác nhận có với nhau 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 12/8/2007 và cháu Hoàng Khánh L, sinh ngày 07/5/2012. L hôn, chị B có nguyện vọng xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; anh T có quan điểm nhất trí giao hai con chung cho chị B nuôi dưỡng, anh đang phải chấp hành án tại trại giam nên không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Bích được.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị B và anh T có chung quan điểm xác nhận vợ chồng không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu L, cháu L trình bày:*

- Cháu Hoàng Khánh L trình bày: Hiện nay hai chị em cháu đang ở cùng với mẹ cháu và ông bà ngoại ở thôn Q, xã M, huyện P. Thời gian khi bố mẹ cháu còn chung sống cùng nhau, cháu thấy bố mẹ cháu hay xảy ra cãi nhau, bố cháu còn đánh mẹ cháu. Nguyên nhân là do bố cháu hay đi chơi qua Đm không về nhà, không chịu đi làm mà còn nợ nần nhiều và nghiện ma túy, mẹ cháu có nói thì bố cháu chửi và đánh đập mẹ cháu. Năm 2020 mẹ cháu đưa hai chị em về ở nhờ nhà ông bà ngoại ở xã M từ đó cho đến nay. Nay bố mẹ cháu L hôn nhau thì cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ cháu, việc cháu xin được ở với mẹ cháu là hoàn toàn tự nguyện.

- Cháu Hoàng Khánh L trình bày: Thời gian bố mẹ cháu còn chung sống cùng nhau, mỗi khi bố cháu đánh mẹ cháu thì chị em cháu rất sợ hãi. Năm 2020 mẹ cháu đưa hai chị em cháu về ở nhờ ông bà ngoại ở xã M từ đó cho đến nay. Từ khi về ở nhờ ông bà ngoại, chị em cháu được mẹ cháu, ông bà ngoại và các bác quan tâm chăm sóc, cho ăn uống và đi học đầy đủ. Nếu bố mẹ cháu L hôn nhau thì cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ cháu, việc cháu xin được ở với mẹ cháu là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai bắt ép hoặc xúi giục cháu phải lựa chọn ở với mẹ cháu.

*Người làm chứng:*

+ Ông Đỗ Văn Đ - là bố đẻ chị Đỗ Thị B trình bày:

Đầu năm 2020 chị B đưa các con về ở nhờ nhà ông, ông tìm hiểu được biết sau khi anh T bị tai nạn thì lao vào chơi bời nghiện ma túy dẫn đến nợ nần, gia đình có tài sản gì là mang đi bán hết, thường xuyên đi qua Đm không về, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Ông được biết hiện nay anh T đang đi chấp hành án tại trại giam H, H do phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Nay chị B có đơn xin L hôn anh T thì đề nghị Tòa án tạo điều kiện hòa giải cho hai anh chị, nếu hai anh chị cương quyết L hôn nhau thì đó là quyền của hai anh chị, gia đình ông không có ý kiến gì. Chị B và anh T có 02 con chung, hai cháu về ở nhờ nhà ông từ năm 2020 cho đến nay, trường hợp chị B và anh T L hôn nhau thì gia đình ông vẫn tạo điều kiện cho mẹ con chị B về chỗ ăn, chỗ ở. Gia đình ông không có liên quan gì về vấn đề tài sản với vợ chồng chị B nên ông không có yêu cầu, đề nghị gì về vấn đề tài sản.

+ Ông Nguyễn Đức Xtrưởng thôn V cung cấp thông tin:

Theo nắm bắt tình hình tại địa phương thì ông được biết vợ chồng chị B, anh T không chung sống cùng nhau khoảng 02 năm nay, vợ chồng chị B, anh T có mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm rõ, chị B đã đưa các con về quê ngoại ở xã M sinh sống. Anh T bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện nay anh T đang đi chấp hành án tại trại giam H, H. Bố mẹ anh T hiện nay không ai có mặt ở nhà vì bố đẻ anh T ốm phải đi nằm viện.

UBND xã Đ cung cấp thông tin:

Anh Hoàng Văn T và chị Đỗ Thị B có đăng ký kết hôn vào ngày 13/10/2006 tại UBND xã Đ, vào sổ đăng ký kết hôn số 51/2006 theo quy định của pháp luật. Địa phương chưa khi nào nhận được đơn đề nghị giải quyết mâu thuẫn từ anh T, chị B nên địa phương không nắm được mâu thuẫn của vợ chồng anh T, chị B về vấn đề gì, có tài sản gì chung hay không. Anh T, chị B có 02 con chung là cháu Hoàng Khánh L và Hoàng Khánh L.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, hòa giải và quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đỗ Thị B được L hôn anh Hoàng Văn T. Về con chung: Giao hai con chung cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung, ruộng canh tác, công sức: Nguyên đơn, bị đơn không đề nghị xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm L hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Hoàng Văn T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã Đ, huyện P, tỉnh H (hiện đang chấp hành án tại Trại giam H, H). Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân

sự, vụ án L hôn giữa chị Đỗ Thị B và anh Hoàng Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Đỗ Thị B, bị đơn anh Hoàng Văn T đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị B và anh Hoàng Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh H vào ngày 13/10/2006 theo quy định của pháp luật, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình vợ chồng chị B, anh T chung sống, hai anh chị sống với nhau tình cảm bình thường, đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T chơi bời dẫn đến mắc tệ nạn xã hội - nghiện ma túy, ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình, chị B có tham gia góp ý thì vợ chồng xảy ra va chạm cãi nhau, anh T còn đánh đập chị B. Năm 2020 chị B đã đưa các con về quê ngoại sinh sống, chị B và anh T sống L thân từ tháng 4/2020 cho đến nay. Trong thời gian chị B, anh T sống L thân, năm 2021 anh T có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy và đã bị Tòa án nhân dân tỉnh H xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện nay anh T đang đi chấp hành án tại trại giam H, tỉnh H. Chị B có đơn khởi kiện L hôn, anh T xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nên anh cũng nhất trí L hôn. Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh T đã trầm trọng; mục đích hôn nhân không đạt được; chị B khởi kiện L hôn là có cơ sở và cần chấp nhận cho chị B được L hôn anh T là phù hợp quy định tại các điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị B và anh T đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 12/8/2007 và cháu Hoàng Khánh L, sinh ngày 07/5/2012. L hôn, chị B có nguyện vọng xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quan điểm nhất trí giao cả hai con chung cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T đang đi chấp hành án nên không thể cấp dưỡng nuôi con chung cho bị B được. Hội đồng xét xử nhận định: Hiện tại anh T đang đi chấp hành án tại trại giam H, tỉnh H, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L và cháu L nên giao cả cháu L và cháu L cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi chị B và anh T L hôn nhau là cần thiết, phù hợp với nguyện vọng của cháu L, cháu L, chị B cũng như quan điểm của anh T. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị B, giao cháu cả cháu L và cháu L cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L và cháu L đủ 18 tuổi. Chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị B nên cần được ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác chung: Chị Đỗ Thị B và anh Hoàng Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Đỗ Thị B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị B được L hôn anh Hoàng Văn T.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 12/8/2007 và cháu Hoàng Khánh L, sinh ngày 07/5/2012 cho chị Đỗ Thị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L và cháu L đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Thị B không yêu cầu anh Hoàng Văn T cấp dưỡng nuôi các con chung.
- Sau khi L hôn, anh Hoàng Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Nguyên đơn chị Đỗ Thị B, bị đơn anh Hoàng Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí: Nguyên đơn chị Đỗ Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm L hôn, được trừ vào số tiền chị B đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0006134 ngày 16/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Chị B đã nộp đủ án phí sơ thẩm L hôn.
5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh H;
- Viện KSND huyện P;
- UBND xã Đ;
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Mạnh Q**

